



# 家里的宠物



朗读课文。



Listen and read

家里的宠物



# 猫

māo



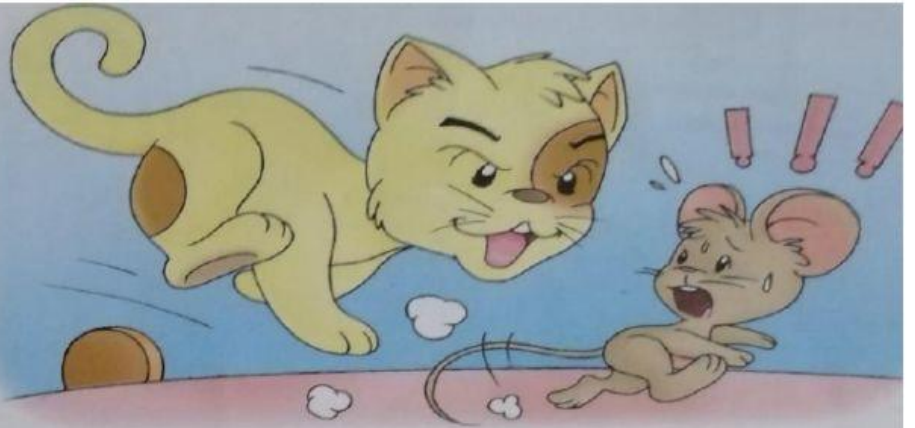
小猫咪，喵喵喵！

xiǎo māo mī miāo miāo miāo



老鼠见它全吓跑。

lǎo shǔ jiàn tā quán xià pǎo



# 狗

gǒu



小黄狗，汪汪汪！

xiǎo huāng gǒu wāng wāng wāng



看到主人摇尾巴。

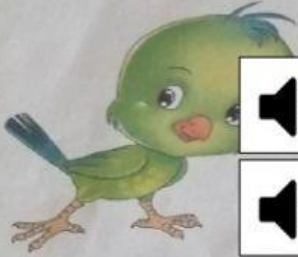
kàn dào zhǔ rén yáo wěi ba





# 鸟

niǎo



可爱的小鸟，吱吱吱！

kě ài de xiǎo niǎo zhī zhī zhī



每天快快乐乐在唱歌。

měi tiān kuài kuai lè lè zài chàng gē



# 兔

tù



小兔子，两只耳朵竖起

xiǎo tù zi liǎng zhī ěr duo shù qǐ



来，爱吃萝卜和青菜。

lái ài chī luó bo hé qīng cài